

Bản án số: 126/2024/HS-ST
Ngày: 04- 6- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Kiều Thị Thanh Nguyên

Ông Lê Văn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B T, Thành phố Htham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B T, Thành phố Hmở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 111/2024/TLST-HS, ngày 25 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

H Q H, sinh năm 1994, tại: H Y; Hộ khẩu thường trú: Số 09/33 đường MD, phường HC, Thành phố H Y, tỉnh H Y; Chỗ ở: Số 964 đường CMT8, phường CN, Thành phố T D M, tỉnh BD; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H Đ T, sinh năm 1972 và bà N T T A, sinh năm 1973; hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên N T H, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (Có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Ông H H N, sinh năm 2000; Trú tại: Số 990 đường HL2, phường B T Đ, quận B T, thành phố H(Vắng mặt);

2/Ông N V T, sinh năm 1983; Trú tại: Xã H A, Hện T H, tỉnh H(Vắng mặt)

3/Ông N T Đ, sinh năm 2001; Trú tại: Thôn K C, xã T L, Hện T H, tỉnh H(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 00 phút, ngày 07/9/2023, H Q H rủ N T Đ đi công việc, sau đó Đ đi cùng H đến nhà anh H H N, địa chỉ 990 HL2, phường B T Đ, quận B T. Khi đến nhà anh N, H nói với Đ đứng ở ngoài, H vào trong nhà tìm anh N để nói chuyện việc N vay tiền nhưng không trả. Khoảng 05 phút sau, Công an phường B T Đ đến kiểm tra và mời H, Đ về phường làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, H Q H khai nhận đã cho anh H H N vay tiền với lãi suất cao, H là người trực tiếp đến giao và thu tiền mặt tại nhà N, các lần cho vay cụ thể như sau:

Dây 1: Vào ngày 21/8/2023, H cho N vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày đóng 1.000.000 đồng (gồm tiền gốc 800.000 đồng, 200.000 đồng tiền lãi). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 25.000.000 đồng, thu phí hồ sơ 3.000.000 đồng và H thu trước 05 ngày cuối dây số tiền 5.000.000 đồng nên N đóng 20 ngày là kết thúc dây 1. N đã đóng xong dây vay này, trong đó số tiền lãi đã thu là 5.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 273.973 đồng, số tiền thu lợi bất chính là (5.000.000 đồng - 273.973 đồng + 3.000.000 đồng phí hồ sơ = 7.726.027 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là **7.726.027 đồng**, lãi suất 30%/tháng.

Dây 2: Vào ngày 23/8/2023, N vay H số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày đóng 1.000.000 đồng (gồm tiền gốc 800.000 đồng, 200.000 đồng tiền lãi). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 25.000.000 đồng, thu phí hồ sơ 3.000.000 đồng và H thu trước 05 ngày cuối dây số tiền 5.000.000 đồng nên N đóng 20 ngày là kết thúc dây 2. N đã đóng xong dây vay này, trong đó số tiền lãi đã thu là 5.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 273.973 đồng, số tiền thu lợi bất chính là (5.000.000 đồng - 273.973 đồng + 3.000.000 đồng phí hồ sơ = 7.726.027 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là **7.726.027 đồng**, lãi suất 30%/tháng.

Dây 3: Vào ngày 24/8/2023, N vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày đóng 1.000.000 đồng (gồm tiền gốc 800.000 đồng, 200.000 đồng tiền lãi). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 25.000.000 đồng, thu phí hồ sơ 3.500.000 đồng và H thu trước 05 ngày cuối dây số tiền 5.000.000 đồng nên N đóng 20 ngày là kết thúc dây 3. N đã đóng xong dây vay này, trong đó số tiền lãi đã thu là 5.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 273.973 đồng, số tiền thu lợi bất chính là (5.000.000 đồng - 273.973 đồng + 3.500.000 đồng phí hồ sơ = 8.226.027 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là **8.226.027 đồng**, lãi suất 30%/tháng.

Dây 4: Ngày 27/8/2023, N vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày đóng 1.000.000 đồng (gồm tiền gốc 800.000 đồng, 200.000 đồng tiền lãi). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 25.000.000 đồng, thu phí hồ sơ 3.000.000 đồng và H thu trước 05 ngày cuối dây số tiền 5.000.000 đồng nên N đóng 20 ngày là kết thúc dây 4. N đã đóng xong dây vay này, trong đó số tiền lãi đã thu là 5.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 273.973 đồng, số tiền thu lợi bất chính là (5.000.000 đồng - 273.973 đồng + 3.000.000 đồng phí hồ sơ = 7.726.027 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là **7.726.027 đồng**, lãi suất 30%/tháng.

Dây 5: Ngày 30/8/2023, N vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày đóng 1.500.000 đồng (gồm tiền gốc 1.200.000 đồng, 300.000 đồng tiền lãi). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 37.500.000 đồng, thu phí hồ sơ 3.500.000 đồng và thu trước 5 ngày cuối (Dây 5) số tiền 7.500.000 đồng nên N đóng 20 ngày là kết thúc dây 5. N đã đóng xong dây vay này, trong đó số tiền lãi đã thu là 7.500.000 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 410.959 đồng, số tiền thu lợi bất chính là (7.500.000 đồng - 410.959 đồng + 3.500.000 đồng phí hồ sơ = 10.589.041 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là **10.589.041 đồng**, lãi suất 30%/tháng.

Dây 6: Ngày 30/8/2023, N vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày đóng 1.000.000 đồng (gồm tiền gốc 800.000 đồng, 200.000 đồng tiền lãi). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây vay là 25.000.000 đồng, thu phí hồ sơ 3.000.000 đồng và H thu trước 05 ngày cuối dây số tiền 5.000.000 đồng nên N đóng 20 ngày là kết thúc dây 6. N đã đóng được 21 ngày số tiền: 21.000.000 đồng, trong đó tiền lãi đã thu là 4.200.000 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 230.137 đồng, số tiền thu lợi bất chính là (4.200.000 đồng - 230.137 đồng + 3.000.000 đồng phí hồ sơ = 6.969.863 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là **6.969.863 đồng**, lãi suất 30%/tháng. Số tiền gốc còn lại N chưa đóng cho H là 04 ngày x 800.000 đồng = 3.200.000 đồng.

Dây 7: Ngày 31/8/2023, N vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày đóng 1.500.000 đồng (gồm tiền gốc 1.200.000 đồng, 300.000 đồng tiền lãi). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây nợ là 37.500.000 đồng, thu phí hồ sơ 4.000.000 đồng tiền hồ sơ và thu trước 05 ngày cuối dây 7 là 5.000.000 đồng nên N đóng 20 ngày là kết thúc dây 7. N đã đóng dây 7 được 08 ngày với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi thực tế đã thu là 2.400.000 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 131.507 đồng, số tiền thu lợi bất chính là (2.400.000 đồng - 131.507 đồng + 4.000.000 đồng phí hồ sơ = 6.268.493 đồng).

Tổng số tiền thu lợi bất chính là **6.268.493 đồng**, lãi suất 30%/tháng. Số tiền gốc còn lại N chưa đóng cho H là 17 ngày x 1.200.000 đồng = 20.400.000 đồng.

Dây 8: Ngày 01/9/2023, N vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn đóng 25 ngày, mỗi ngày đóng 1.500.000 đồng (gồm tiền gốc 1.200.000 đồng, 300.000 đồng tiền lãi). Số tiền phải đóng sau khi kết thúc dây nợ là 37.500.000 đồng, thu phí hồ sơ số tiền 3.000.000 đồng, và thu trước 5 ngày cuối dây 8 là 5.000.000 đồng nên N đóng 20 ngày là kết thúc dây 8. N đã đóng dây 8 được 07 ngày với số tiền 10.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi thực tế đã thu là 2.100.000 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 115.068 đồng, số tiền thu lợi bất chính là (2.100.000 đồng - 115.068 đồng + 3.000.000 đồng phí hồ sơ = 4.984.932 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là **4.984.932 đồng**, lãi suất 30%/tháng. Số tiền gốc còn lại N chưa đóng cho H là 18 ngày x 1.200.000 đồng = 21.600.000 đồng.

Tổng số tiền H Q H cho H H N vay là 190.000.000 đồng, với lãi suất 30%/tháng (tương đương 360%/năm), vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính đã thu thực tế sau khi trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là **60.216.438 đồng**. Tổng số tiền lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thực tế đã thu của người vay là 1.983.562 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô Honda Wave, biển số: 34S1-058.17, thu giữ của bị can H Q H. Qua xác minh chủ sở hữu là anh N V T (Sinh năm 1983; HKTT: xã H Đ, Huyện T H, tỉnh H D). Ngày 07/9/2023, bị can H mượn xe mô tô trên của anh N V T đi công việc, anh T không biết mục đích H mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh T.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H H N đồng ý nhận lại số tiền H đã thu lợi bất chính từ việc cho vay.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B T bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ khác của vụ án.

Tại bản cáo trạng số 111/QĐ-VKS ngày 25/4/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận B T truy tố H Q H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B T sau khi phân tích nội dung vụ án, phân tích chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết định tội, định

khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 201 điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị buộc bị cáo nộp lại số tiền vốn mà bị cáo dùng để cho vay sau khi được căn trừ số tiền gốc mà người đi vay chưa trả đủ cho bị cáo còn lại và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự mà bị cáo thu của người đi vay là 1.983.562 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc ông H H N nộp lại số tiền gốc mà bị cáo cho vay mà người đi vay chưa trả để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo phải trả lại cho ông H H N số tiền 60.216.438 đồng. Phạt bổ sung bị cáo từ 40 triệu đến 50 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra truy tố bị cáo H Q H Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận B T, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận B T được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận, nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, cùng với các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để kết luận hành vi của bị cáo H Q H đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, nó mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền phải lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đáng thậm chí còn có thể phải bán tài sản nhà cửa để trả nợ...Ngoài ra, còn mang đến những hậu quả khó lường khác làm ảnh hưởng đến sức khỏe nhân phẩm, danh dự của con người và những thiệt hại khác về chính

trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...mà trực tiếp là người đi vay phải chịu lãi suất quá cao dẫn đến khánh kiệt gia đình. Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Mặc dù bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, là gây thiệt hại cho người vay bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng chỉ vì động cơ tư lợi muốn có tiền để tiêu xài mà không phải thông qua lao động chân chính bị cáo đã lợi dụng người đi vay tiền đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần tiền gấp để giải quyết một số việc trong cuộc sống để ép những người vay tiền phải chịu mức lãi suất thật cao. Bị cáo đã ngang nhiên thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra thể hiện ý thức bị cáo rất xem thường pháp luật, nên việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết để răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Do bị cáo đã có hành vi cho anh H H N vay 08 dây tổng cộng với số tiền 190.000.000 đồng, trong đó tiền gốc đã trả là 144.800.000, đồng, tiền gốc còn lại chưa trả là 45.200.000 đồng lãi suất 30%/tháng, **vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 8,33%/tháng (5 lần x 1.666% = 8.33%), mức lãi suất mà bị cáo H cho anh N vay vượt quá 21.67%/tháng so với mức phải xử lý hình sự 8,33%/tháng.** Tổng số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính thực tế đã thu sau khi trừ đi lãi suất theo qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 60.216.438 đồng, số tiền lãi theo qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.983.562 đồng. Do đó Viện kiểm sát nhân dân quận B T truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa tiền án tiền sự đồng thời trong thời gian được tại ngoại cho đến nay bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác, có nơi cư trú rõ ràng Hội đồng xét xử nhận thấy nên tạo điều kiện cho bị cáo hưởng mức cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường HC, Thành phố H Y nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Đối với hình phạt cải tạo không giam giữ người bị kết án phải bị khấu trừ thu nhập từ 5 đến 20%, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh bị cáo khó khăn hiện nay không có công việc ổn định nên không cần thiết phải áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo nhưng cần buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc

lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và phải thực hiện nghĩa vụ theo qui định tại Luật thi hành án hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền lãi mà bị cáo đã thu cao hơn qui định của Bộ luật dân sự được xác định là 60.216.438. Đây là khoản thu lợi bất chính cần buộc bị cáo trả lại cho người đi vay anh H H N.

Đối với số tiền vốn bị cáo dùng để cho vay sau khi được cân trừ số tiền mà người đi vay chưa trả đủ cho bị cáo còn lại là 144.800.000 đồng. Đây là công cụ phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

Đối với và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự là 1.983.562 đồng mà bị cáo thu của người đi vay. Đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, đồng thời hoạt động cho vay lãi nặng thường gắn với các băng nhóm tội phạm. Do đó, để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước khoản tiền này.

Đối với số tiền vốn mà người đi vay chưa trả đủ cho bị cáo được xác định là 45.200.000 đồng đây là tiền của bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Buộc người vay có nghĩa vụ nộp lại số tiền này.

Đối với N T Đ (bạn bị cáo H), do không biết H cho anh N vay, lời khai của bị cáo H và Đ phù hợp với nhau, không bàn bạc, không hưởng lợi gì từ hành vi cho vay của bị cáo H nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý Đ trong vai trò đồng phạm với bị cáo H là có cơ sở.

[6] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử xét tính chất của vụ án quyết định phạt bổ sung mỗi bị cáo số tiền 40 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 201; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo H Q H 01(một) năm 06(sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường HC, Thành phố H Y, tỉnh H Y nhận được Quyết định thi hành bản án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo H Q H về cho Ủy ban nhân dân phường HC, Thành phố H Y, tỉnh H Y nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo H Q H thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo qui định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Buộc bị cáo H Q H phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và thực hiện nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự.

2. Các biện pháp tư pháp khác: Buộc bị cáo H Q H nộp lại số tiền 144.800.000 đồng và số tiền 1.983.562 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc ông H H N nộp lại số tiền 45.200.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho ông H H N số tiền số tiền 60.216.438 đồng. Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không trả số tiền nêu trên thì các bị cáo phải chịu thêm khoản tiền lãi, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo H Q H nộp phạt bổ sung 40.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm 3.010.821 (Ba triệu không trăm mười nghìn tám trăm hai mươi một) đồng nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng Đ hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Chi cục thi hành án quận B T;
- Công an quận B T;
- Viện kiểm sát quận B T;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- PC27 công an TPHCM;
- THA hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tín

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Tín

